TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**20/2021**/DS – ST
Ngày: 24/3/2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha
Các hội thẩm nhân dân:
1./ Ông Nguyễn Văn Ngư
2./ Ông Lâm Ngọc Hà
Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2020/TLST – DS ngày 11/11/2020; Về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST – DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST – DS ngày 25 tháng 02 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số 266 – 268, đường N, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

+Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T – Tổng giám đốc.

+Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A – Giám đốc chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Nguyễn Tuấn A ủy quyền lại cho ông Mã Hà B – Trưởng Phòng Giao dịch Châu Thành (Theo văn bản ủy quyền số 415/2020/ GUQ – CNST ngày 27/10/2020).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn C, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Mã Hà B trình bày:*

Vào ngày 12/10/2016, bị đơn ông Phan Văn N có thỏa thuận, ký kết để vay của Ngân hàng S– Phòng giao dịch Châu Thành số tiền theo hạn mức là

15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, theo hình thức vay thẻ tín dụng, loại thẻ Motor Card, số thẻ 356480 - 1818; lãi suất vay là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng; phương thức trả nợ và điều kiện áp dụng theo Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S. Sau khi ông N được Ngân hàng cấp thẻ và số tiền hạn mức 15.000.000 đồng thì ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.302.342 đồng, nhưng đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 27.440.000 đồng, còn nợ lại số tiền vay hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng và 3.862.342 đồng tiền thực hiện các giao dịch qua thẻ nhưng không thanh toán. Do ông Phan Văn N đã vi phạm Điều 2 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S và Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông N thanh toán số tiền nợ vay, tiền phát sinh giao dịch qua thẻ tín dụng nhưng ông N không thanh toán, nên ngày 01/08/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số tiền dư nợ sang nợ quá hạn.

Ngân hàng S đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông Phan Văn N thanh toán các khoản vay, số tiền giao dịch phát sinh qua thẻ tín dụng nêu trên nhưng ông N không thực hiện, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nên nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Phan Văn N có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn, tiền lãi quá hạn còn nợ lại cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 25/02/2021 tổng cộng là 29.672.149 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 30.282.214 đồng (Trong đó tiền dư nợ tổng cộng là 17.380.469 đồng và lãi quá hạn tổng cộng là 12.901.745) và khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh trong thời gian chậm trả thi hành án cho đến khi tất toán xong khoản nợ vay.

* Bị đơn ông Phan N được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có lý do, cũng như không có văn bản trả lời ý kiến cho Tòa án biết về việc bị nguyên đơn Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền vốn, tiền lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng phát hành theo hình thức thẻ tín dụng Motor Card, số thẻ 356480 – 1818 mà giữa hai bên thỏa thuận, ký kết vào ngày 12/10/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn ông Phan Văn N. Xét thấy, ông Phan Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Phan Văn N theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 12/10/2016, bị đơn ông Phan Văn N có thỏa thuận, ký kết để vay của Ngân hàng S– Phòng giao dịch Châu Thành số tiền theo hạn mức thẻ tín dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, theo hình thức vay thẻ tín dụng, loại thẻ Motor Card, số thẻ 356480 - 1818; lãi suất vay là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng. Sau khi vay số tiền 15.000.000 đồng qua thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng Motor Card nêu trên

để thực hiện các giao dịch thanh toán khác qua thẻ tín dụng thì ông N không thanh toán số tiền dư nợ, tiền thanh toán giao dịch qua thẻ tín dụng, theo Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S mà giữa hai bên thỏa thuận, ký kết, tính đến thời điểm ngày 30/9/2020 thì ông Phan Văn N chưa thanh toán số tiền dư nợ của thẻ tín dụng, tiền lãi quá hạn tổng cộng là 26.328.089 đồng, nên Ngân hàng S đã khởi kiện. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Phan Văn N không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S và cũng như không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền còn nợ lại Ngân hàng S khởi kiện. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Kiêm hợp đồng ngày 10/10/2016 của ông Phan Văn N thỏa thuận, ký kết với Ngân hàng S, văn bản xác nhận nhận thẻ tín dụng ngày 18/10/2016 của Ngân hàng có ông Phan Văn N ký tên nhận thẻ, Bảng tóm tắt sao kê sử dụng thẻ tín dụng của khách hàng ông Phan Văn N, Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S và các tài liệu chứng cứ khác của nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Nên Hội đồng xét xử, có đủ căn cứ xác định ông Phan Văn N có vay của Ngân hàng S – Phòng giao dịch Châu Thành theo hình thức qua thẻ tín dụng Motor Card, số thẻ 356480 – 1818 với hạn mức là 15.000.000 đồng và thực hiện các giao dịch thanh toán qua thẻ tín dụng này của ông N bắt đầu phát sinh từ ngày 31/10/216, tạm tính đến ngày 30/9/2020 thì ông Phan Văn N chưa thanh toán số tiền dư nợ của thẻ tín dụng, tiền lãi quá hạn tổng cộng là 26.328.089 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/3/2021 ông Phan Văn N còn nợ lại Ngân hàng S tổng số tiền là 30.282.214 đồng.

Do bị đơn ông Phan Văn N đã vi phạm cam kết trong nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Kiêm hợp đồng ngày 10/10/2016 mà giữa ông N đã thỏa thuận, ký kết với Ngân hàng S và bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán dư nợ thẻ tín dụng theo quy định tại Điều 2, Điều 8, Điều 9, Điều 22 và Điều 24 của Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S đối với bị đơn ông Phan Văn N là có căn cứ, được chấp nhận toàn bộ.

[4]Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông Phan Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định số tiền là 1.514.110 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều

271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1./ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Phan Văn N, yêu cầu thanh toán tiền dư nợ vay, lãi suất quá hạn với tổng số tiền là 30.282.214 đồng.

2./ Buộc ông Phan Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền dư nợ vay, tiền lãi suất quá hạn, tổng số tiền là 30.282.214 đồng *(Ba mươi triệu hai trăm tám mươi hai nghìn hai trăm mười bốn đồng)*.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án, ông Phan Văn N chậm thanh toán số tiền vốn và lãi nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, loại thẻ Motor Card, số thẻ 356480 – 1818 ngày 12/10/2016 mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết tương ứng với thời gian chậm thi hành án, tính từ ngày 25/3/2021 cho đến khi hoàn tất thanh toán số tiền nêu trên.

3./ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phan Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.514.110 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần S được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 658.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005333 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

4./ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn ông Phan Văn N vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5./ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha